TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Thanh Dung
2. Ông Dương Minh Ngọc

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, về việc: " *Tranh chấp ly hôn*" theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị S, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn Hòa A, xã Tam Gi, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N (nay là thôn Hòa A, xã Núi Th, thành phố Đà N). Căn cước công dân số 04919301….; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn Sâm Linh Đ, xã Tam Qu, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N (nay là thôn Sâm Linh Đ, xã Núi Th, thành phố Đà N). Căn cước công dân số 04909101…; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị S trình bày:

Bà và ông Nguyễn Mạnh L tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng), hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng không chung sống với vợ mà về ở cùng mẹ ruột,

thu nhập không giao cho vợ quản lý mà đưa cho mẹ, có thái độ coi thường vợ; đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể duy trì, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh L.

Về con chung: Bà Phan Thị S và ông Nguyễn Mạnh L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Mạnh L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đó, cho bà Phan Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh L; về con chung: bà S với ông L không có con chung nên không đề nghị xem xét; về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị S có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông Nguyễn Mạnh L. Theo Biên bản xác minh tại Công an xã Núi Thành ngày 31/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Mạnh L có địa chỉ thường trú tại thôn Sâm L Đông, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn Sâm L Đông, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng). Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên toà, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị S và ông Nguyễn Mạnh L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp. Bà S trình bày, trong quá trình chung sống, chồng không chung sống với vợ mà về ở cùng mẹ ruột, thu nhập không giao cho vợ quản lý mà đưa cho mẹ, có thái độ coi thường vợ; đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Theo nội dung Biên bản xác minh

tại Ủy ban nhân dân xã Núi Thành ngày 31/7/2025, về quan hệ hôn nhân ông Nguyễn Mạnh L và bà Phan Thị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2023, ngày đăng ký 15/9/2023; chính quyền địa phương không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa bà S và ông L. Tại phiên tòa, bà S cương quyết xin ly hôn với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà S được ly hôn với ông L là có cơ sở.

- Về con chung: Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Núi Thành ngày 31/7/2025, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Mạnh L không đăng ký khai sinh cho con tại địa phương, điều này phù hợp với lời khai của bà S về việc hiện nay vợ chồng không có con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp ly hôn"* của nguyên đơn bà Phan Thị S với bị đơn ông Nguyễn Mạnh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh L.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Phan Thị S phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007246 ngày 29 tháng 5 năm 2025.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/9/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 5 – Đà Nẵng;
- UBND xã Núi Thành;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Khôi